TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST Ngày: 30/9/2019. *(V/v xin ly hôn).*	*K, ngày 30 tháng 9 năm 2019.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

****/ Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

****/ Hội thẩm nhân dân:*** Ông Trần Xuân Hòa và ông Nguyễn Đức Tuân.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Loan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Chung - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2019/LHST – HNGĐ ngày 12/7/2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1997;

Nơi đăng ký HKTT và trú tại: thôn Y, xã G, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn N, sinh năm 1980*;*

Nơi đăng ký HKTT và trú tại: thôn M, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Đặng Khánh L, sinh ngày 31/01/2018;

Người giám hộ cho cháu L là chị S – Mẹ đẻ của cháu L.

Đều có nơi đăng ký HKTT và trú tại: Thôn Y, xã G, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Đỗ Thị A, sinh năm 1959;

Trú tại: Thôn M, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 10/7/2019; Biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị S kết hôn với anh Đặng Văn N trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có tiến hành đăng ký kết hôn hợp pháp tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã D vào ngày 27/6/2017. Sau khi kết hôn, chị S về chung sống cùng anh N và mẹ đẻ anh N tại thôn M, xã D. Vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N không lo làm ăn, thường xuyên bỏ nhà đi chơi đến đêm mới về. Chị S còn nghe dư luận nói anh N như vậy là do nghiện hút chất ma túy từ trước khi lấy chị và vẫn chưa cai nghiện được, chị S có hỏi anh N thì anh N đều trối không nhận mình nghiện. Từ khi chung sống với anh N cho đến lúc sinh con mọi chi tiêu sinh hoạt gia đình, cũng như mọi công việc trong họ hàng đều do một mình chị lo toan hết, anh N không đưa cho chị được một đồng tiền nào. Nhiều lần chị và mẹ đẻ anh N khuyên bảo anh N không chơi bời, tu trí làm ăn nhưng anh N không thay đổi, vẫn chứng nào tật đấy. Thậm chí anh N còn mắng chửi chị và bảo chị nếu sống được thì sống, không sống được thì ly hôn. Từ tháng 3/2018 cho đến nay chị S đã mang con chung bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Y, xã G, huyện T, tỉnh Bắc Ninh sinh sống và ly thân với anh N, mạnh ai người đó sống, không ai quan tâm đến ai.

Nay chị S xác định không còn tình cảm với anh N, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, không có tương lai, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị S khẳng định giữa chị và anh N có 01 con chung là cháu Đặng Khánh L, sinh ngày 31/01/2018, hiện con chung đang ở với chị S. Khi vợ chồng ly hôn, chị S xin được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, về công nợ chung, về công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình và đất canh tác nông nghiệp 03: Chị S khẳng định không có gì liên quan, không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân (TAND) huyện Khoái Châu đã nhiều lần triệu tập anh Đặng Văn N đến trụ sở TAND huyện Khoái Châu để viết bản tự khai, trình bày quan điểm về việc chị S có đơn xin ly hôn anh N, tuy nhiên anh N dù đã biết được thông báo, giấy triệu tập của TAND huyện Khoái Châu nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không trình bày quan điểm của mình.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/8/2019 của người làm chứng bà Đỗ Thị A (mẹ đẻ anh N) trình bày: Bà A thừa nhận hoàn cảnh và điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và thời gian vợ chồng S – N sống ly thân như chị S trình bày là đúng. Ngoài ra, bà A còn trình bày anh N bị bạn bè rủ rê, lôi kéo từ một người hiền lành, chăm chỉ trở thành người ăn chơi, không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đi chơi đến khuya mới về. Chính vì thế mà chị S đâm ra

chán nản nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Bắc Ninh sinh sống và ly thân với anh N từ đầu năm 2018 cho đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm chăm sóc nhau. Quá trình anh N và chị S ly thân nhau thì gia đình bà cũng tích cực hòa giải, động viên nhưng không có kết quả. Anh N hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại địa phương xã D, huyện K, nhưng do nghiện chất ma túy nên hay đi lang thang không có địa chỉ cố định. Tuy nhiên, anh N vẫn thường xuyên gọi điện thoại liên lạc với bà và cũng thỉnh thoảng về nhà. Tòa án nhiều lần gửi Thông báo và Giấy triệu tập cho anh N với nội dung Triệu tập, thông báo anh N đến trụ sở Tòa án viết bản tự khai, trình bày lời khai, quan điểm về việc chị S có đơn xin ly hôn anh N, bà đều nhận thay anh N và sau đó đều giao lại trực tiếp hoặc thông báo qua điện thoại cho anh N biết. Tuy nhiên, anh N có nói quan điểm của anh N với bà là "Từ lâu anh N đã không coi chị S là vợ của mình, nên cũng nhất trí ly hôn với chị S, nhưng anh N sẽ không lên Tòa án giải quyết. Anh N nhất trí giao con chung cho chị S nuôi dưỡng chăm sóc, không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung".

Tại biên bản xác minh ngày 27/8/2019 được Ban tư pháp xã D, cơ sở thôn M cung cấp: Vợ chồng chị S- anh N là vợ chồng hợp pháp. Anh N nghiện chất ma túy, vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ tháng 03/2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì chị S bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã G, huyện T, tỉnh Bắc Ninh sinh sống, còn anh N vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại thôn M, xã D, huyện Khoái Châu.

<u>Tại phiên tòa hôm nay:</u>

- Chị Nguyễn Thị S vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu xin ly hôn và xin được tiếp tục nuôi con chung cho đến khi con chung khôn lớn trưởng thành, không yêu cầu anh N đóng góp phí tổn nuôi con chung.

- Bị đơn anh Đặng Văn N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Người làm chứng bà Đỗ Thị A đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đã có quan điểm xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, người tham gia tố tụng:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Khoái Châu. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS năm 2015). Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt

không có lý do nên Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228 của BLTTDS năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Toà án.

Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị S; Giao cháu Đặng Khánh L, sinh ngày 31/01/2018 cho chị S được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L trưởng thành (đủ 18 tuổi); Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác và công sức đóng góp với hai bên gia đình: Không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này; Chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. ***Về tố tụng***: Chị Nguyễn Thị S có đơn đề nghị TAND huyện Khoái Châu giải quyết ly hôn cho chị và anh Đặng Văn N có hộ khẩu thường trú và trú tại thôn M, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Khoái Châu.

Anh N vắng mặt không có lý do tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai; Người làm chứng bà Đỗ Thị A đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đã có quan điểm xin được vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS năm 2015.

[2]. ***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị S kết hôn với anh N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D vào năm 2017 là hoàn toàn hợp pháp, đã xác lập quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng đã nẩy sinh nhiều mâu thuẫn do anh N nghiện chất ma túy, thường xuyên đi lang thang, không chăm lo cho gia đình, vợ con, chị S không thể tiếp tục chịu đựng, chung sống được với anh N nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm, chăm sóc nhau. Chị S xác định không còn tình cảm với anh N nên xin ly hôn để ổn định cuộc sống.

Theo xác minh tại Ban tư pháp xã D, cơ sở thôn M xã D và người thân trong gia đình anh N thì thấy rằng: Mặc dù mới chỉ kết hôn với nhau từ tháng 6 năm 2017, nhưng chị S và anh N đã mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ tháng 3/2018 cho đến nay không quan tâm, chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa chị S và anh N đã được gia đình nhiều lần động viên, khuyên giải nhưng không có kết quả. Sau khi Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thụ lý vụ án ly hôn giữa chị S và anh N, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý và nhiều lần gửi giấy triệu tập, thông báo hòa giải cho anh N để anh N biết, đến trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu viết bản tự khai trình bày lời khai và tham gia phiên hòa giải... Bản thân anh N vẫn về địa phương, biết được việc chị S có đơn xin ly hôn anh tại TAND huyện Khoái Châu, biết được nội dung các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án nhưng vẫn cố tình không đến Tòa án làm việc theo Thông báo và Giấy triệu tập của Tòa án. Trong khi theo xác minh tại địa phương và người thân trong gia đình anh N thì anh N vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại xã D, huyện Khoái Châu. Anh N vẫn thường xuyên về nhà mẹ đẻ là bà A. Theo lời khai của bà A thì anh N đi lang thang nhưng vẫn thường xuyên liên lạc điện thoại nói chuyện với bà A và về nhà bà A. Điều đó chứng tỏ rằng anh N cố tình giấu địa chỉ.

Từ những căn cứ nêu trên chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị S là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. ***Về con chung*****:** Chị S và anh N có một con chung là cháu Đặng Khánh L, sinh ngày 31/01/2018, hiện đang ở với chị S. Chị S có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung trong khi anh N cố tình trốn tránh không trình bày lời khai, quan điểm của anh N. Mặt khác, cháu L còn nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự quan tâm chăm sóc đặc biệt của người mẹ. Do vậy cần giao cháu L cho chị S được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, cho đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của chị S và bảo đảm điều kiện tốt nhất về tâm sinh lý cho con chung, đồng thời cũng là phù hợp với quy định của Điều 81của Luật hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết vì chị S không yêu cầu.

Sau khi ly hôn anh N có quyền thăm nom con chung của mình theo Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. ***Về tài sản chung, công nợ chung, cấp dưỡng nuôi con chung, đất canh tác nông nghiệp 03; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia***

đình nội ngoại: Do chị S không yêu cầu trong khi anh N không có mặt để trình bày quan điểm của mình. Nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án ly hôn này. Sau này chị S, anh N có yêu cầu sẽ khởi kiện để xem xét, giải quyết ở vụ án dân sự khác.

[5]. ***Về án phí:*** Căn cứ theo khoản 4 Điều 147 của BLTTDS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị S đã nộp tại biên lai thu số 0001302 ngày 12/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu nên chị S đã thi hành xong án phí của mình.

[6]. ***Về quyền kháng cáo:*** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. ***Áp dụng:*** Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 144; Khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 của BLTTDS 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. ***Về quan hệ hôn nhân****:* Xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Đặng Văn N.

[3]. ***Về con chung:*** Giao cháu Đặng Khánh L, sinh ngày 31/01/2018 cho chị Nguyễn Thị S tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Khánh L trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Việc đóng góp phí tổn nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn anh N có quyền thăm nom con chung của mình theo quy định của pháp luật.

[4]. ***Về tài sản chung, công nợ chung, cấp dưỡng nuôi con chung, đất canh tác nông nghiệp 03; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại:*** Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Khi nào chị Nguyễn Thị S, anh Đặng Văn N có yêu cầu phân chia sẽ làm đơn khởi kiện để xem xét giải quyết trong vụ án dân sự khác.

[5]. ***Về án phí:*** Chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị S đã nộp tại biên lai thu số 0001302 ngày 12/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu nên chị S đã thi hành xong án phí của mình.

[6]. ***Về quyền kháng cáo:*** Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị S biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/9/2019). Báo cho bị đơn vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *VKSND cùng cấp;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã D;*
- *UBND xã G;*
- *Chi cục THADS K/C;*
- *Lưu HSVA.*

Nguyễn Thị Thu Hương